

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 498/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Bích H, sinh năm 1988, địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1982, địa chỉ: 2 Kiệt G M, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 4, Điều 6 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118 và 119 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Đoàn Thị Bích H và ông Nguyễn Văn H1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Văn Nhật M, sinh ngày 19/5/2013. Giao cháu Nguyễn Văn Nhật M, sinh ngày 19/5/2013 cho ông Nguyễn Văn H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Do các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án khi Tòa án tiến hành hòa giải trước khi mở phiên tòa nên chỉ phải chịu 50% mức án phí là 300.000 đồng x 50% = 150.000 đồng (mỗi người chịu 75.000 đồng) bà H tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004140 ngày 12/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, số tiền còn lại 150.000 đồng trả cho bà Đoàn Thị Bích H.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSND Tp Huế;
- Chi cục THADS Tp Huế;
- TAND tỉnh TT Huế;
- UBND phường X, Tp H (ĐKKH số 114 ngày 23/11/2012);
- Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN

Lê Nhân Đức